

Số: 19 /2019/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 24 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

Căn cứ Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 39/TTr-SCT ngày 21 tháng 3 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 05 tháng 6 năm 2019, thay thế Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND ngày 04/02/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định về quản lý vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai và Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 29/5/2013 của Ủy ban nhân

dân tỉnh Lào Cai về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của bản Quy định quản lý vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND ngày 04/02/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan Quy chế quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *KU*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Đoàn ĐBQH, UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Báo Lào Cai;
- PCVPI;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC3, KT1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Xuân Phong

QUY CHẾ

Quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 24/5/2019 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định một số nội dung về quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai gồm: Quản lý, kinh doanh, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, dịch vụ nổ mìn, tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, trên địa bàn tỉnh Lào Cai và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Các nội dung khác không được quy định tại Quy chế này được thực hiện theo Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20/6/2017; Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ, Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động quản lý, kinh doanh bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp, dịch vụ nổ mìn, tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Các cụm từ viết tắt và giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các cụm từ viết tắt, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “VLNCN” là tên viết tắt của cụm từ Vật liệu nổ công nghiệp.

2. “UBND” là tên viết tắt của cụm từ Ủy ban nhân dân.

3. Sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hoặc nổ mìn là quá trình làm nổ vật liệu nổ công nghiệp theo quy trình công nghệ đã được xác định.

4. Bảo quản vật liệu nổ công nghiệp/tiền chất thuốc nổ là hoạt động cất giữ, trông coi, giữ gìn cho khỏi hư hỏng hoặc hao hụt vật liệu nổ công nghiệp/tiền chất thuốc nổ trong kho, trong quá trình vận chuyển đến nơi sản xuất thuốc nổ.

5. Vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp/tiền chất thuốc nổ là hoạt động di chuyển vật liệu nổ công nghiệp/tiền chất thuốc nổ từ địa điểm này đến địa điểm khác.

Vận chuyển nội bộ vật liệu nổ công nghiệp/tiền chất thuốc nổ là vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp/tiền chất thuốc nổ bên trong ranh giới mỏ, công trường hoặc cơ sở sản xuất, bảo quản vật liệu nổ công nghiệp trên các đường không giao cắt với đường thủy, đường sắt, đường bộ.

6. Tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp là phá bỏ hoặc làm mất khả năng tạo ra phản ứng nổ của vật liệu nổ công nghiệp theo quy trình công nghệ đã được xác định.

Điều 4. Trách nhiệm của các tổ chức sản xuất, kinh doanh, bảo quản, sử dụng VLNCN, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp

1. Tuân thủ quy định tại giấy phép, giấy chứng nhận về sử dụng VLNCN, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp hoặc phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

2. Ban hành và niêm yết nội quy, quy định, quy trình bảo đảm an ninh, an toàn, phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ và bảo vệ môi trường; có biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn các quy định liên quan đến công tác an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

3. Thực hiện bảo quản, lưu trữ sổ sách đối với hoạt động VLNCN, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất VLNCN theo khoản 4, Điều 14, Thông tư số 13/2018/TT-BCT của Bộ Công Thương.

4. Thực hiện huấn luyện về kỹ thuật an toàn VLNCN, tiền chất thuốc nổ theo quy định tại Nghị định số 71/2018/NĐ-CP của Chính phủ; thực hiện huấn luyện định kỳ về an toàn, vệ sinh lao động; phòng chống cháy nổ.

5. Trang bị đầy đủ các phương tiện kỹ thuật, y tế, bảo hộ lao động thích hợp để đảm bảo ứng cứu kịp thời khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

6. Đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn theo quy định tại Điều 15 Thông tư 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương.

7. Xây dựng kế hoạch ứng cứu sự cố khẩn cấp, thực hiện luyện tập, diễn tập xử lý các tình huống khẩn cấp theo quy định tại Điều 17 Thông tư 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, KINH DOANH, SỬ DỤNG, BẢO QUẢN VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ NỔ MỎ

Điều 5. Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp

Doanh nghiệp kinh doanh VLNCN phải tuân thủ các quy định sau:

1. Đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 3, Điều 37 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

2. Chỉ cung ứng các loại VLNCN theo Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng tại Việt Nam quy định tại Phụ lục I Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

3. Chỉ cung ứng VLNCN cho các tổ chức, doanh nghiệp có Giấy phép sử dụng VLNCN, Giấy phép dịch vụ nổ mìn và theo đúng nội dung trong Giấy phép về số lượng, chủng loại thuốc nổ và đảm bảo chất lượng theo đúng quy định.

Điều 6. Sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

Tổ chức, doanh nghiệp sử dụng VLNCN phải tuân thủ các quy định sau:

1. Bảo đảm đủ các điều kiện theo các quy định tại Khoản 1, Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

2. Sử dụng VLNCN vào mục đích sản xuất, dịch vụ nổ mìn, đào tạo, huấn luyện, nghiên cứu khoa học và thử nghiệm phải có Giấy phép sử dụng VLNCN do cơ quan có thẩm quyền cấp. Hồ sơ xin cấp Giấy phép sử dụng VLNCN theo quy định tại Điều 42 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20/6/2017.

3. Chỉ được sử dụng VLNCN theo đúng chủng loại, địa điểm, thời gian và số lượng không được vượt quá mức tối đa ghi trong Giấy phép do Sở Công Thương cấp. Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp được Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng cấp giấy phép sử dụng VLNCN để hoạt động trên địa bàn tỉnh thì chỉ được sử dụng theo phương án nổ mìn đã được phê duyệt.

4. Tổ chức, doanh nghiệp được Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng cấp giấy phép sử dụng VLNCN để hoạt động trên địa bàn tỉnh phải thông báo bằng văn bản với gửi thông báo tới UBND tỉnh thông qua Sở Công Thương về việc sử dụng VLNCN theo giấy phép ít nhất 10 ngày trước khi sử dụng VLNCN trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo mẫu Thông báo tại Phụ lục X, Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện việc kiểm tra điều kiện của địa điểm dự kiến sử dụng VLNCN và sự phù hợp của nội dung thông báo với nội dung của Giấy phép sử dụng VLNCN, lập biên bản xác nhận đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện sử dụng VLNCN.

5. Giám sát ảnh hưởng nổ mìn

a) Tổ chức sử dụng VLNCN phải tổ chức thực hiện việc giám sát ảnh hưởng nổ mìn đối với công trình, đối tượng cần bảo vệ nằm trong phạm vi ảnh hưởng của nổ mìn theo quy định tại Quy chuẩn quốc gia hiện hành.

b) Trước khi giám sát ảnh hưởng nổ mìn, tổ chức sử dụng VLNCN phải gửi phương án giám sát ảnh hưởng nổ mìn về Sở Công Thương để tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

c) Hoạt động giám sát ảnh hưởng nổ mìn phải được thực hiện bởi các tổ chức, cá nhân có chức năng và đủ năng lực thực hiện theo quy định hiện hành.

6. Trước khi tiến hành hoạt động VLNCN trong khu vực biên giới phải thông báo bằng văn bản cho Đồn biên phòng sở tại về danh sách người, phương tiện, thời gian, phạm vi, nội dung hoạt động; trường hợp sử dụng VLNCN trong phạm vi 02 km tính từ đường biên giới quốc gia, phải thông báo với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh bằng văn bản trước 03 ngày làm việc.

Hoạt động VLNCN trong khu vực biên giới phải đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Hiệp định về quy chế quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

Điều 7. Dịch vụ nổ mìn

1. Tổ chức, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ nổ mìn trên địa bàn tỉnh có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2, Điều 43 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

2. Tổ chức, cá nhân thuê dịch vụ nổ mìn có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 3, Điều 43 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

3. Tổ chức doanh nghiệp được Bộ Công Thương cấp Giấy phép Dịch vụ nổ mìn phải gửi Thông báo tới UBND tỉnh thông qua Sở Công Thương ít nhất 10 ngày trước khi thực hiện nổ mìn trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo giấy phép và theo mẫu Thông báo tại phụ lục X, Thông tư số 13/2018/TT-BCT của Bộ Công Thương. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện việc kiểm tra điều kiện của địa điểm dự kiến thực hiện nổ mìn và sự phù hợp của nội dung thông báo với nội dung của Giấy phép Dịch vụ nổ mìn. Lập biên bản xác nhận đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện thực hiện dịch vụ nổ mìn.

Điều 8. Quản lý, bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

1. Các Tổ chức, doanh nghiệp phải quản lý, bảo quản VLNCN theo quy định tại Điều 16, Nghị định 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

2. Tổ chức hoạt động VLNCN ký hợp đồng thuê kho với các tổ chức có kho chứa VLNCN đảm bảo các điều kiện về chất lượng xây dựng, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ và đã được các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, nhất trí đưa vào sử dụng. Hợp đồng thuê kho chứa VLNCN phải ghi rõ các nội dung: Khối lượng, chủng loại VLNCN bảo quản tại kho; thời gian thuê kho; trách nhiệm của các bên theo quy định pháp luật về bảo quản VLNCN.

3. Sau khi thanh lý Hợp đồng thuê kho, các tổ chức thuê kho chứa VLNCN phải báo cáo bằng văn bản tới Sở Công Thương, Công an tỉnh về tình hình xuất, nhập VLNCN và phương án xử lý đối với khối lượng VLNCN còn tồn kho (nếu có).

4. Lãnh đạo quản lý, thủ kho, người bảo vệ canh gác, người phục vụ liên quan đến bảo quản VLNCN, tiền chất thuốc nổ phải có trình độ chuyên môn tương xứng với vị trí, chức trách đảm nhiệm, được huấn luyện về kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp, phòng cháy và chữa cháy, ứng phó sự cố trong các hoạt động liên quan đến bảo quản VLNCN, tiền chất thuốc nổ. Chỉ huy nổ mìn có trách nhiệm quản lý chặt chẽ VLNCN tại nơi nổ mìn, trong trường hợp không sử dụng

hết VLNCN thì phải chuyển ngay về kho chứa VLNCN hoặc về xe vận chuyển và làm thủ tục xuất, nhập theo quy định.

5. Kho chứa vật liệu nổ công nghiệp phải được canh gác, bảo vệ nghiêm ngặt 24/24h; lực lượng bảo vệ được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy, chữa cháy và ứng phó với các sự cố khẩn cấp. Hệ thống thông tin liên lạc của kho bảo quản VLNCN, tiền chất thuốc nổ phải được canh gác, đảm bảo liên lạc được 24/24 giờ với lãnh đạo đơn vị, Sở Công Thương, Công an tỉnh, Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và chính quyền địa phương.

Điều 9. Báo cáo trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp

Các tổ chức liên quan đến hoạt động VLNCN có trách nhiệm báo cáo cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Thông tư số 13/2018/TT-BCT của Bộ Công Thương.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về VLNCN và tiền chất thuốc nổ trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan trên địa bàn tỉnh thực hiện thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm về hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh theo quy định pháp luật.

3. Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép sử dụng VLNCN trên địa bàn cho các tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép theo quy định tại khoản 3, Điều 6, Thông tư số 13/2018/TT-BCT của Bộ Công Thương.

4. Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn việc thực hiện các quy định pháp luật trong hoạt động VLNCN đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

5. Tiếp nhận Thông báo của các tổ chức kinh doanh, sử dụng VLNCN đối với các tổ chức được Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng cấp giấy phép sử dụng VLNCN, giấy phép dịch vụ nổ mìn hoạt động trên địa bàn; thực hiện việc kiểm tra điều kiện của địa điểm dự kiến sử dụng VLNCN theo Thông báo trước khi các tổ chức này thực hiện. Báo cáo UBND tỉnh về việc tiếp nhận thông báo và kiểm tra, theo dõi đối với các tổ chức, doanh nghiệp được Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ trên địa bàn tỉnh trong các báo cáo định kỳ theo quy định Khoản 3, Điều 9 của Quy chế này.

6. Tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận kỹ thuật an toàn VLNCN cho các đối tượng của các tổ chức sử dụng VLNCN thuộc thẩm quyền cấp giấy phép sử dụng VLNCN.

7. Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh kiểm tra việc xác định địa điểm xây dựng kho VLNCN; quản lý chất lượng công trình xây dựng bảo quản VLNCN theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Công an tỉnh

1. Trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý hành chính về trật tự xã hội

a) Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và quản lý các các tổ chức kinh doanh ngành, nghề có sử dụng VLNCN trên địa bàn tỉnh theo quy định pháp luật hiện hành.

b) Thực hiện công tác hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định, điều kiện về an ninh, trật tự của các tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của ngành.

c) Tiếp nhận hồ sơ, xem xét cấp/cấp điều chỉnh giấy phép vận chuyển VLNCN cho các tổ chức đủ điều kiện kinh doanh, vận chuyển VLNCN trên địa bàn tỉnh, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.

d) Giám sát quá trình thanh lý, tiêu hủy đối với VLNCN hết hạn, mất phẩm chất, không có khả năng tái chế sử dụng.

2. Trách nhiệm trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy

a) Tiếp nhận bản cam kết về việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy, tổ chức kiểm tra thực tế và lập biên bản kiểm tra xác nhận các nội dung cam kết đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy chữa cháy, phòng nổ kho bảo quản VLNCN.

b) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của các tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh theo quy định.

c) Phối hợp với Sở Công Thương kiểm tra việc xác định địa điểm xây dựng kho VLNCN.

d) Thực hiện thẩm định, phê duyệt thiết kế và nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với kho VLNCN.

3. Điều tra, xử lý các vụ việc liên quan đến chiếm đoạt, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép VLNCN và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

4. Phối hợp với Sở Công Thương trong việc thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh.

Điều 12. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Sở Công Thương trong việc thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các tổ chức hoạt động VLNCN để khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Điều 13. Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thực hiện quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 19 Nghị định số 71/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị liên quan ở địa phương theo dõi, giám sát hoạt động VLNCN trên địa bàn.

c) Tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật trong hoạt động VLNCN đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

d) Phối hợp với Sở Công Thương hoặc các cơ quan có thẩm quyền trong việc thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các tổ chức hoạt động VLNCN, khắc phục sự cố do hoạt động VLNCN trên địa bàn.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn theo thẩm quyền.

b) Tiếp nhận thông báo về phạm vi, địa điểm, thời gian tiến hành nổ mìn của tổ chức sử dụng VLNCN trên địa bàn và có trách nhiệm thông báo rộng rãi cho nhân dân địa phương được biết.

c) Thông báo khi có sự cố xảy ra trên địa bàn về UBND cấp huyện, Công an tỉnh, Sở Công Thương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, đồng thời tham gia khắc phục hậu quả.

Điều 14. Các cơ quan liên quan khác

Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị mình theo dõi, kiểm tra, xử lý hoặc đề nghị xử lý vi phạm của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động VLNCN trên phạm vi địa bàn quản lý.

Điều 15. Các tổ chức, cá nhân hoạt động vật liệu nổ công nghiệp

1. Thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về VLNCN và các quy định của Quy chế này.

2. Thực hiện các biện pháp kỹ thuật theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số 02:2008/BCT về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp đảm bảo an toàn tuyệt đối trong quá trình hoạt động VLNCN.

Điều 16. Điều khoản tham chiếu

Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định được viện dẫn trong Quy chế này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Công thương để tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. / *HL*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Xuân Phong